

Bản án số 43/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 27 - 7 - 2023
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trường.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Hoa, ông Nguyễn Văn Chiến.

*Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương- Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Việt Yên.*

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên: Ông Lê Đình Luyện - Kiểm
sát viên.*

Trong ngày 27/7/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Việt Yên xét xử sơ
thẩm công khai vụ án thụ lý số 92/2023/TLVA- HNGĐ ngày 03/4/2023 về việc
“ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2023/QĐST-HNGĐ ngày
26/6/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2023/QĐ-HNGĐ ngày 21/7/2023
giữa các đương sự:

+ **Nguyên đơn:** Ông Thân Đức Đ, sinh năm 1969. Địa chỉ: Xóm 8/2, Thôn
A, xã T, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai. (vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt)

+ **Bị đơn:** Bà Trần Thị H, sinh năm 1971. Địa chỉ: Xóm B, xã V, huyện Việt
Yên, tỉnh Bắc Giang. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 13/3/2023 và trong quá trình xét xử, ông Thân
Đức Đ vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai trình bày như sau:*

Ông Thân Đức Đ với bà Trần Thị H kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn
vào ngày 16/7/1989 tại UBND xã V, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang; có tổ chức
cưới hỏi theo phong tục địa phương. Trước khi kết hôn hai người được tự do tìm
hiểu. Sau khi kết hôn bà H về làm dâu nhà ông Đ ngay ở địa chỉ thôn Bãi Xanh, xã
Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang. Thời gian đầu chung sống vợ chồng
hạnh phúc. Đến năm 1991 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai vợ
chồng không hợp nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm sống. Ông Đ và bà H
đã ly thân nhau từ năm 1991 đến nay không ai còn quan tâm đến ai. Nay xét thấy
tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, ông Đ đề nghị
được ly hôn với bà H.

Về con chung: ông Đ và bà H có 01 con chung cháu Thân Thị H, sinh ngày 01/6/1990. Nay con đã trưởng thành trên 18 tuổi nên không yêu cầu toà án giải quyết.

Về tài sản và công nợ chung: ông Đ và bà H tự thỏa thuận nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bà Trần Thị H vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai trình bày như sau:

Bà H với ông Đ kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn vào ngày 16/7/1989 tại UBND xã Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang; có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Trước khi kết hôn hai người được tự do tìm hiểu. Sau khi kết hôn bà H về làm dâu nhà ông Đ ngay ở địa chỉ thôn Bãi Xanh, xã Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang. Thời gian đầu chung sống vợ chồng hạnh phúc. Đến năm 1991 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm sống. Bà H và ông Đ đã ly thân nhau từ năm 1991 đến nay không ai còn quan tâm đến ai. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, ông Đ đề nghị Tòa án cho ông Đ ly hôn với bà H. Bà H đồng ý ly hôn.

Về con chung: Hai vợ chồng có 01 con chung cháu Thân Thị H, sinh ngày 01/6/1990. Nay con trưởng thành trên 18 tuổi nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản và công nợ chung: Bà H và ông Đ tự thỏa thuận nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng là các đương sự: nguyên đơn chấp hành đúng quy định, bị đơn chấp hành chưa đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, không có mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình; Điều 28, 35, 39, khoản 3 Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông Thân Đức Đ được ly hôn bà Trần Thị H.

- Về con chung: Đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

- Ông Đ phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Việt Yên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, bị đơn có trong hồ sơ. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa hôm nay ông Đ vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bà H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2. Do vậy Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông Đ và bà H **theo quy định tại Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.**

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Thân Đức Đ và bà Trần Thị H kết hôn với nhau, có cưới hỏi theo phong tục địa phương và có giấy đăng ký kết hôn. Do vậy, đây là hôn nhân hợp pháp.

Trong thời gian chung sống hai bên thường xảy ra mâu thuẫn vợ chồng (Do hai người không hợp nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm sống) dẫn tới việc hai người ly thân từ năm 1991 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Xét thấy tình trạng hôn nhân mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần xử cho ông Đ được ly hôn với bà H.

[3] Về con chung: Hai vợ chồng có 01 con chung cháu Thân Thị H, sinh ngày 01/06/1990. Hiện cháu đã trưởng thành và phát triển bình thường. Cả ông Đ và bà H không ai đề nghị Tòa án giải quyết về con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, công nợ chung: Ông Đ và bà H không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Ông Đ phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; Điều 56; khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, nộp án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điều 238; Điều 271; khoản 1 Điều 273 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự;

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Thân Đức Đ và bà Trần Thị H.

Về án phí: Ông Thân Đức Đ phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm về ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí ông Đ đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006888 ngày 03/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Việt Yên. Xác nhận ông Đ đã nộp xong án phí sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Ông Thân Đức Đ và bà Trần Thị H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND Huyện Việt Yên;
- CCTHA-DS Huyện Việt Yên;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã Vân Trung;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Trường